

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/DS-PT

Ngày: 22-7-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Hữu Nhân

Ông Huỳnh Văn Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2019/TLPT- DS ngày 04 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp: “Hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2010/DS-ST ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 128/2019/QĐ-PT ngày 04/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2019/QĐ-PT ngày 18/6/2019, Thông báo số 584/TB-PT ngày 03/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1973; cư trú tại thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn: Bà Khuất Thị S, sinh năm: 1969; cư trú tại thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người đại diện hợp pháp:

Ông Đào Tuấn L, sinh năm: 1962; cư trú tại thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (*Văn bản ủy quyền số 2034, quyển số 06 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng V chứng thực ngày 24/11/2016*), có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà K'L, sinh năm 1976; cư trú tại tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2/ Ông Nguyễn Đăng Q; cư trú tại: Thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị H – Nguyên đơn.

Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2016, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của Bà Trần Thị H thì: Vào ngày 25/12/2014 bà S có vay của bà số tiền là 353.000.000đ, khi vay hai bên có viết giấy tờ vay với nhau, có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng nhưng không ghi nội dung thỏa thuận lãi vào giấy vay, số tiền này bà S hẹn bà thời hạn vay từ 03 tháng đến 06 tháng sẽ trả. Trong giấy vay có thể hiện khi nào bà cần thì sẽ báo trước cho bà S 01 tháng. Khoảng 03 tháng sau, bà có yêu cầu nhưng bà S không trả cho bà số tiền trên, đến 06 tháng sau bà lại yêu cầu nhưng bà S không trả. Lần cuối cùng là vào tháng 11/2016, bà yêu cầu nhưng bà S vẫn không trả. Nay, bà yêu cầu bà S phải trả cho bà số tiền gốc là 353.000.000đ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật tính trên số tiền vay 353.000.000đ kể từ ngày 25/12/2014 cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

- Theo lời trình bày của Bà Khuất Thị S và Ông Đào Tuấn L, người đại diện theo ủy quyền của Suốt thì vào ngày 06/12/2013, bà có vay của bà H số tiền là 28.000.000đ; ngày 20/10/2013 bà vay của bà H số tiền là 39.650.000đ; ngày 23/12/2013 bà vay của bà H số tiền là 83.000.000đ. Toàn bộ số tiền trên bà đều vay giúp cho Bà K'L. Khi vay hai bên có viết giấy tờ với nhau, lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/01 tháng. Thời hạn trả nợ là khi nào bà H cần sẽ báo trước cho bà 01 tháng thì bà sẽ trả. Trong quá trình vay mượn thì bà H chưa yêu cầu bà trả các khoản nợ trên.

Trong quá trình vay, vào cuối năm 2014 Bà K'L có đưa cho bà 50.000.000đ để trả cho bà H và Bà K'L có trực tiếp tự trả cho bà H thêm được số tiền 30.000.000đ vào ngày 25/12/2014. Tuy nhiên khi bà hay Bà K'L trả nợ cho bà H thì bà đều ghi vào sổ theo dõi của bà mà giữa các bên không có giấy tờ gì về việc trả nợ cho bà H.

Sau đó bà H có yêu cầu Bà K'L ký vào giấy vay tiền ngày 25/12/2013 với số tiền vay như bà trình bày trên nhưng do bà H chưa trừ số tiền 30.000.000đ cho Bà K'L nên Bà K'L không ký vào giấy vay tiền ngày 25/12/2013. Tại giấy vay tiền này, bà H là người viết giấy phần “tôi tên là”, “địa chỉ”, nội dung ban

đầu bà H ghi là Bà K'L nhưng vì Bà K'L không kí nên bà có ghi đề lên phần "tôi tên là Khuất Thị Suốt". Ở phần cuối giấy vay tiền này thì bà S có ghi bà S trả được 50.000.000đ, Bà K'L trả được 30.000.000đ. Sau khi Bà K'L không ký nên bà H có gọi điện thoại cho bà S lên nhà bà H. Khi bà S đến thì bà H rút chìa khóa xe và ép bà S phải ký vào 01 tờ giấy vay tiền, giấy vay tiền này nội dung như thế nào thì bà S không biết, trong giấy cũng chưa ghi số tiền cụ thể là bao nhiêu nên bà có yêu cầu bà H tính toán số tiền cụ thể mà bà đã vay nên bà H có viết cho bà 01 giấy thể hiện "*ngày 23/12 là 39.670.000đ*", "*ngày 01/01/2013 là 28.000.000đ*", "*ngày 12/12 là 83.000.000đ*", sau khi bà H ghi số nợ cho bà nên bà mới ký vào giấy vay tiền ngày 25/12/2014 do bà H ghi. Khi ký vào giấy này thì bà H cũng chưa ghi số tiền vào trong giấy. Thực tế bà S không vay của bà H số tiền là 353.000.000đ mà bà chỉ vay của bà H số tiền là 151.000.000đ giúp cho Bà K'L. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà S phải trả lại số tiền là 353.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay thì bà không đồng ý theo yêu cầu của bà H mà bà chỉ đồng ý trả cho bà H số tiền tính tròn là 151.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay cho đến khi vụ án được giải quyết xong.

Đối với số tiền Bà K'L đã giao cho bà S 50.000.000đ trả cho bà H và Bà K'L đã tự trả cho bà H 30.000.000đ thì bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo yêu cầu của Bà K'L, bà không có yêu cầu gì đối với số tiền 80.000.000đ này.

Đối với số tiền 151.000.000đ Bà K'L vay từ bà S thì bà S đề nghị tự thỏa thuận giải quyết với Bà K'L, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Theo lời trình bày của Bà K'L thì bà có nhờ bà S vay của bà H giúp bà các khoản tiền, cụ thể:

Vào ngày 06/12/2013 vay số tiền là 28.000.000đ;

Ngày 20/10/2013 vay số tiền là 39.000.000đ;

Ngày 23/12/2013 vay số tiền là 83.000.000đ.

Toàn bộ số tiền trên sau khi bà S nhận vay của bà H thì đều giao lại cho bà, tuy nhiên, giữa bà với bà S không viết giấy tờ với nhau, lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng. Các khoản nợ trên bà đều hẹn đến tháng 12/2014 sẽ trả hết; còn việc bà S vay tiền của bà H có viết giấy vay với nhau hay không thì bà không biết.

Trong thời gian vay, bà có gửi cho bà S số tiền 50.000.000đ để bà S trả cho bà H; ngoài ra, do bà H có yêu cầu bà S trả những khoản tiền vay trên nên bà S có dẫn bà đến nhà bà H để khát nợ. Vào ngày 25/12/2014 bà với bà S có đến nhà bà H, tại nhà bà H bà đã trả được cho bà H số tiền là 30.000.000đ (chưa tính toán trả vào tiền gốc hay tiền lãi). Khi trả số tiền này thì bà H có viết vào sổ của

bà H là bà đã trả 30.000.000đ nhưng bà H không giao cho bà giấy trả tiền. Bà H có giao cho bà 01 giấy vay tiền ngày 25/12/2013 với nội dung bà vay của bà H số tiền là 151.000.000đ phần “*tôi tên là*” thì ghi người vay là K’L nhưng bà không ký vào giấy vay tiền này vì lý do bà H chưa trừ số tiền 30.000.000đ mà bà đã trả. Sau đó bà H gọi điện thoại cho bà S tới và đề nghị bà S ký vào một giấy vay tiền trong đó không ghi số tiền cụ thể. Nội dung trong giấy như thế nào thì bà không biết. Như vậy, trong quá trình vay mượn với bà H thì bà đã trả được số tiền 80.000.000đ trong đó bà có đưa cho bà S 50.000.000đ để bà S trả cho bà H vào tiền lãi suất, còn 30.000.000đ thì bà trả vào tiền gốc. Nay bà H khởi kiện bà S thì bà yêu cầu bà H phải trả lại cho bà số tiền 80.000.000đ để sau này bà trả lại cho bà S.

Đối với số tiền 151.000.000đ bà vay từ bà S nên bà sẽ có trách nhiệm trả lại cho bà S số tiền trên, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo Ông Nguyễn Đăng Q trình bày thì vào năm 2012, vợ ông là Bà Khuất Thị S có tự đứng ra vay của bà H giúp Bà K’L số tiền bao nhiêu thì ông không biết. Sau đó, đến ngày 25/12/2014 bà H đã giật chìa khóa xe ép vợ ông phải ký vào giấy vay tiền “không”, chưa ghi số tiền vay, trong nội dung giấy vay có ghi “*Suốt Quý*” là tên ghép giữa vợ ông với ông, tuy nhiên, khoản tiền vay này ông hoàn toàn không biết và không liên quan đến ông. Nay bà H khởi kiện bà S liên quan đến khoản vay này thì ông xác định hoàn toàn không có liên quan, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án số 09/2019/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2019 Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị H, buộc Bà Khuất Thị S phải trả cho Bà Trần Thị H tổng số tiền là 237.806.000đ, trong đó tiền nợ gốc là 151.000.000đ và tiền lãi suất là 86.806.000đ.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 08/4/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng kháng nghị toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 27/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo hướng sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 08/4/2019 Bà Trần Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo hướng sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

Bà Trần Thị H vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng và kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc giữa bà H và bà S có vay tiền qua lại với nhau nhiều lần nhưng không thống nhất được với nhau về số tiền đã vay, bà H cho rằng bà S vay của bà số tiền 353.000.000đ, đến nay vẫn chưa thanh toán nên yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền vừa nêu và lãi suất theo quy định, bà S không thừa nhận mà cho rằng chỉ vay của bà H số tiền 151.000.000đ và lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản” là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng và kháng cáo của bà H thì thấy rằng:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: giữa bà H và bà S có quan hệ làm ăn, bà H cho bà S vay tiền nhiều lần là có xảy ra trong thực tế. Quá trình giải quyết vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì các bên đều xác nhận bà S có vay của bà H nhiều lần.

Bà H cho rằng bà S vay của bà Số tiền 353.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 25/12/2014 còn bà S không thừa nhận có vay số tiền này mà chỉ vay của bà H tổng số tiền 151.000.000đ qua các đợt vay, cụ thể: ngày 06/12/2013 vay số tiền 28.000.000đ; ngày 20/10/2013 vay số tiền 39.650.000đ; ngày 23/12/2013 vay số tiền 83.000.000đ. Toàn bộ số tiền này bà S vay của bà H để cho Bà K’L vay lại.

[3] Qua đánh giá toàn diện vụ án thì thấy rằng, bà H căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 25/12/2014 để yêu cầu bà S trả số tiền 353.000.000đ, bà S căn cứ vào “Giấy vay tiền” ngày 23/12/2013 thể hiện nội dung bà S vay của bà H 03 lần với tổng số tiền là 151.000.000đ, lời khai của các bên có sự mâu thuẫn. Đối với nội dung giấy vay tiền ngày 23/12/2013 thể hiện nội dung bà S vay của bà H 03 lần tổng số tiền 151.000.000đ, nội dung giấy này do bị đơn quản lý và nộp cho Tòa án, bị đơn xác nhận toàn bộ nội dung giấy vay này do bà H tự ghi, trong đó phần tên người vay ban đầu thể hiện là Bà K’L nhưng sau đó bà S tự sửa lại là “Khuất Thị Suốt”, do khi viết giấy vay nợ bà H không trừ khoản tiền 80.000.000đ mà Bà K’L đã trả nên Bà K’L không ký nên bà S đã ký lại tên người vay tiền, xác định bà S vay của bà H số tiền 151.000.000đ là đúng. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 780/GĐ-PC54 ngày 06/7/2017 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh

Lâm Đồng đã kết luận chữ viết tại giấy vay tiền ghi ngày 23/12/2013 không phải là chữ viết của Bà Trần Thị H. Sau khi có kết luận nói trên bà S không đồng ý nên đã yêu cầu trung cầu giám định lại. Tại Kết luận giám định số 425/C54-P5 ngày 06/12/2017 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát đã kết luận chữ viết tại giấy vay tiền ghi ngày 23/12/2013 không phải là chữ viết của bà H nên chứng cứ do bà S xuất trình không có cơ sở xem xét.

Đối với giấy vay tiền ghi ngày 25/12/2014 bà S cho rằng bà H đã tự viết số tiền 353.000.000đ sau khi bà ký vào giấy, do đó bà S yêu cầu trung cầu giám định xác định thời điểm viết số tiền 353.000.000đ. Theo Kết luận giám định số 345/GĐKTHS-P11 ngày 13/12/2018 của Phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ Quốc phòng đã kết luận cụm chữ số “353.000.000đ” tại dòng 10 “ba trăm năm ba triệu đồng” tại dòng 11 là các cụm chữ được viết điền thêm sau khi có các nội dung còn lại. Tuy nhiên không đủ cơ sở kết luận cụm chữ số “353.000.000đ” tại dòng 10, “ba trăm năm ba triệu đồng” tại dòng 11 được viết thêm vào trước hay say khi đã có chữ ký “Suốt, Khuất Thị Suốt” ở phía cuối của tài liệu cần giám định. Việc bà S cho rằng bà ký vào các giấy vay tiền trong khi chưa có nội dung và thông tin gì là hoàn toàn không có cơ sở, bởi lẽ bà S có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, phải hiểu rõ và chịu trách nhiệm về những hành vi mà bản thân bà S thực hiện. Hơn nữa bà S cho rằng do bị đe dọa và bị ép buộc ký nhưng lại không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Bên cạnh đó theo kết luận giám định đã không kết luận được chữ số “353.000.000 đồng” được viết thêm trước hay sau khi đã có chữ ký “Suốt, Khuất Thị Suốt” và các chữ viết còn lại khác nên không có cơ sở khẳng định bà S ký trước khi bà H ghi số tiền 353.000.000đ như bà S trình bày. Như vậy việc bà S vay tiền của bà H là có xảy ra trong thực tế và được các bên đương sự thừa nhận, căn cứ vào các tài liệu do các đương sự cung cấp và trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ thì có cơ sở khẳng định bà S vay của bà H 353.000.000đ như bà H trình bày là đúng.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi suất: Theo giấy vay tiền ghi ngày 25/12/2014 không thể hiện việc vay mượn có lãi suất. Tuy nhiên bà H và bà S đều thừa nhận khi vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất, trong đó bà H khai lãi suất là 2%/tháng, còn bà S khai là 5%/tháng. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì *“Trong trường hợp các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ”*. Tuy nhiên giữa các bên không thỏa thuận thời gian cụ thể trả nợ, nên chỉ tính lãi từ ngày cấp sơ thẩm thụ lý vụ án (ngày 19/12/2016) đến nay là phù hợp. Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29-11-2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì tại thời điểm các bên thực hiện việc vay tiền, mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm:

Như vậy tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 19/12/2016 -> 22/7/2019 là 02 năm 07 tháng 03 ngày:
 $353.000.000đ \times 02 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 03 \text{ ngày} \times 9\%/năm = 82.337.250đ.$

[5] Đối với yêu cầu của Bà K'L và bà S cho rằng số tiền bà S vay của bà H là vay giúp Bà K'L. Trong quá trình vay mượn Bà K'L đã trả được cho bà H số tiền 80.000.000đ (trong đó Bà K'L giao cho bà S 50.000.000đ để bà S trả cho bà H vào tiền lãi suất và 30.000.000đ Bà K'L trực tiếp trả cho bà H vào tiền gốc). Nay bà H khởi kiện Bà K'L yêu cầu bà H trả lại cho bà 80.000.000đ, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án yêu cầu Bà K'L cung cấp chứng cứ và Thông báo cho Bà K'L nộp tiền tạm ứng án phí theo yêu cầu của bà để giải quyết trong vụ án nhưng Bà K'L không nộp án phí cho yêu cầu độc lập của bà. Đồng thời, Bà K'L xác định không có chứng cứ về việc trả nợ cho và Hằng đề nộp cho Tòa án nên không có cơ sở để xem xét nên Tòa án không giải quyết. Nếu sau này các bên tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Đối với việc Bà K'L xác định có vay của bà S số tiền 151.000.000đ. Tuy nhiên do bà S và Bà K'L thống nhất để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[7] Đối với Ông Nguyễn Đăng Q cho rằng việc vợ ông bà bà S có cho bà H vay tiền. Tuy nhiên vay số tiền bao nhiêu thì ông không biết và ông cũng không liên quan gì đến vụ án này. Do vậy xác định ông Quý không liên quan nên không đặt ra để giải quyết.

[8] Với những nhận định trên cần chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 08/4/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Chấp nhận kháng cáo của Bà Trần Thị H, sửa Bản án sơ thẩm.

[9] Về chi phí tố tụng:

- Đối với nội dung yêu cầu giám định theo yêu cầu của bị đơn liên quan đến “Giấy vay tiền” ngày 23/12/2013 theo Quyết định trưng cầu giám định số 02/2017/QĐ-TCGD ngày 25/4/2017 và Quyết định trưng cầu giám định số 06/2017/QĐTCGD ngày 11/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L. Xét thấy, yêu cầu giám định là không có căn cứ nên buộc bị đơn phải chịu chi phí này đối với 02 lần giám định là 9.350.000đ, số tiền này bị đơn bà S đã nộp và quyết toán xong.

- Đối với nội dung yêu cầu giám định của bị đơn liên quan đến “Giấy vay tiền” ngày 25/12/2014 và các giấy ghi nợ khác theo Quyết định trưng cầu giám định số 02/2018/QĐ-TCGD ngày 20/7/2018 và Quyết định trưng cầu giám định lại số 06/2018/QĐ-TCGD ngày 08/11/201 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Xét thấy, trưng cầu giám định là có căn cứ nên buộc nguyên đơn bà H phải chịu số tiền chi phí tố tụng tương đương với 03 lần giám định tổng cộng

là 9.610.000 đồng, số tiền này do bà S nộp và quyết toán xong. Do đó cần buộc bà H phải thanh toán lại cho bà S số tiền 9.610.000đ.

[10] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn bà S phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán.

Do sửa án nên đương sự không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.
- Căn cứ các Điều 471, 474, 476, 477 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 08/4/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Chấp nhận kháng cáo của Bà Trần Thị H, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị H đối với Bà Khuất Thị S về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Buộc Bà Khuất Thị S phải có trách nhiệm trả cho Bà Trần Thị H 435.337.250đ (bốn trăm ba mươi lăm triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng) {trong đó có 353.000.000đ (ba trăm năm mươi ba triệu đồng) tiền gốc và 82.337.250đ (tám mươi hai triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng) tiền lãi}.

2. Về chi phí giám định:

Buộc Bà Khuất Thị S phải chịu 9.350.000đ (đã nộp và quyết toán xong).

Buộc Bà Trần Thị H phải chịu 9.610.000đ. Bà H có trách nhiệm thanh toán lại cho bà S số tiền 9.610.000đ chi phí giám định.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Buộc Bà Khuất Thị S phải chịu 21.413.500đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm, bà H được nhận lại số tiền 8.825.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án thu số AA/2015/000132 ngày 14/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm: Bà H không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm, bà H được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001136 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện L, tỉnh Lâm Đồng;
- Dương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Huỳnh Châu Thạch